TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/KDTM - ST
Ngày: 07 – 11 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ Phên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng.
2. Ông Đàm Văn Kiều.

***- Thư ký Phên toà*:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia Phên tòa: Ông Hà Viết Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST- KDTM ngày 24 tháng 05 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 08 năm 2019, Quyết định hoãn Phên tòa số 02/2019/QĐST- KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn Phên tòa số 03/2019/QĐST- KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank).

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, VP Bank hội sở. Theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tuấn A: Ông Phạm Tất Th – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC và ông Trần Quang T – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC. Theo Văn bản ủy quyền số 6238/2019/UQ-VPB ngày 08/5/2019.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946. Cùng địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại Phên tòa có mặt: Anh Th, anh T, anh Th, ông Ph và bà T. Vắng mặt chị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các lời khai tại tòa án, phía nguyên đơn trình bày như sau:

Anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th vay vốn tại VPBank chi nhánh Nam Định – Phòng giao dịch Thành Nam; địa chỉ: số nhà 350, đường T, phường B, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định theo 04 Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 637.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng), cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số LN1801170461427 ngày 22/01/2018, số tiền vay 194.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh quần áo. Lãi suất trong hạn: 11,5%/ năm; lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, biên độ: 4,5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150%.

Hợp đồng tín dụng thứ hai: Hợp đồng tín dụng số LN1803120547735 ngày 21/3/2018, số tiền vay 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh quần áo trả góp. Lãi suất trong hạn: 12,5%/năm; lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, biên độ: 6%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150%.

Hợp đồng tín dụng thứ ba: Hợp đồng tín dụng số LN1804180631857 ngày 24/4/2018, số tiền vay 146.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh quần áo. Lãi suất trong hạn: 12,5%/năm; lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, biên độ: 6%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150%.

Hợp đồng tín dụng thứ tư: Hợp đồng tín dụng số LD1828500332 ngày 11/10/2018, số tiền vay 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng). Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh quần áo trả góp. Lãi suất trong hạn: 20%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150%.

Để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng nói trên, ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 113, tờ bản đồ số: 8bPL1; địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CK 891712, số vào sổ cấp GCN: CS00148 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 25/12/2017 đứng tên ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị T. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 200, quyển số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/01/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ số công chứng 1144b, quyển số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/04/2018 tại Văn phòng Công chứng Ngọc Ban. Anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th đã thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 112, tờ bản đồ số: 8bPL1; địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CK 891711, số vào sổ cấp GCN: CS00147 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 25/12/2017 đứng tên Phạm Văn Th và Nguyễn Ngọc Th. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 708, quyển số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/03/2018 tại Văn phòng Công chứng Ngọc Ban.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 01/03/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 07/11/2019, anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th còn nợ VPBank tổng số tiền là: 782.170.786 đồng (Trong đó nợ gốc là 637.000.000 đồng, nợ lãi là 145.170.810 đồng).

Tại phiên toà hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm đề nghị: buộc vợ chồng anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với VPBank, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, đối với tiền phạt chậm trả lãi phía nguyên đơn chấp nhận giảm cho bị đơn số tiền là 7.614.448 đồng và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 07/11/2019 khoản tiền này là: 774.556.338 đồng. (Trong đó nợ gốc là 636.999.996 đồng, nợ lãi là 137.556.362 đồng). Anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th tiếp tục phải chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank. Trong trường hợp anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th không trả được nợ, VPBank có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại các tài sản của anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th đã thế chấp để thu hồi nợ cho VPBank, trong đó có tài sản bảo đảm là:

Tài sản đảm bảo thứ nhất: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 113, tờ bản đồ số: 8bPL1; địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CK

891712, số vào sổ cấp GCN: CS00148 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 25/12/2017 đứng tên ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị T. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 200, quyển số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/01/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ số công chứng 1144b, quyển số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày24/04/2018 tại Văn phòng Công chứng Ngọc Ban.

Tài sản đảm bảo thứ hai: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 112, tờ bản đồ số: 8bPL1; địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CK 891711, số vào sổ cấp GCN: CS00147 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 25/12/2017 đứng tên anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 708, quyển số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/03/2018 tại Văn phòng Công chứng Ngọc Ban.

VPBank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án, Quyết định của Tòa án cho đến khi anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th hết nghĩa vụ với VPBank.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phên toà bị đơn anh Phạm Văn Th trình bày: Anh đồng ý với việc đại diện nguyên đơn trình bày về việc giao kết hợp đồng giữa vợ chồng anh với ngân hàng là đúng, do làm ăn khó khăn nên hiện nay vợ chồng anh chưa có khả năng để trả nợ luôn cho ngân hàng. Anh đề xuất phương án anh sẽ trả phần nợ gốc ngân hàng, anh xin ngân hàng miễn số tiền lãi cho vợ chồng anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Ngọc Th (vợ anh Th) đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Th vẫn vắng mặt và không có quan điểm gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày: Vợ chồng ông và anh Th, chị Th có quan hệ gia đình. Anh Th là con đẻ của vợ chồng ông, còn chị Th là con dâu của ông bà. Việc ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông bà với ngân hàng là đúng. Nay vợ chồng anh Th, chị Th làm ăn khó khăn không có khả năng trả nợ, vì vậy ông bà đề xuất ngân hàng bớt số tiền lãi cho anh Th chị Th và sẽ bán nhà của anh Th chị Th đi để trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn nợ lại xin sẽ trả dần theo tiến độ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia Phên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại Phên toà hôm nay Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 299, 320, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín

dụng năm 2010; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th phải thanh toán cho Ngân hàng VPBank tổng số tiền là 774.556.338 đồng. (Trong đó nợ gốc là 636.999.996 đồng, nợ lãi là 137.556.362 đồng) đồng và buộc anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th phải nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng, việc cho vay có mục đích lợi nhuận, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại là pháp nhân có đăng ký kinh doanh, bị đơn là hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định là tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Ngọc Th đã bỏ đi khỏi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định mà không làm thủ tục cắt khẩu cũng như không thông báo cho chính quyền địa phương biết nơi đi, nơi đến. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Th nhưng chị Th vẫn vắng mặt và đây là vắng mặt lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về hình thức và nội dung hợp đồng:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) cấp tín dụng cho anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th theo các Hợp đồng tín dụng đã ký. Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đã kí kết các Hợp đồng thế chấp với anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th, ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị T. Xét thấy việc giao kết các hợp đồng này là tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Nên các hợp đồng này là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

[4] Về việc thực hiện hợp đồng:

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đã thực hiện đúng nghĩa vụ cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng. Việc này đã được các bên xác nhận và được chứng minh bằng các khế ước nhận

nợ, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và xác nhận của nguyên đơn tại phiên tòa. Anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th đã nhận tiền vay của VPBank nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th mặc dù đã được ngân hàng nhiều lần đôn đốc, thông báo. Do vậy, việc VPBank chuyển toàn bộ nợ gốc và lãi của khoản cấp tín dụng cho bị đơn sang nợ quá hạn và thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận đã được các bên ký kết trong Hợp đồng tín dụng. Xét thấy yêu cầu buộc anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th phải hoàn trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/11/2019 là 774.556.338 đồng (Trong đó nợ gốc là 636.999.996 đồng, nợ lãi là 137.556.362 đồng) có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với hai tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 113, tờ bản đồ số: 8bPL1; địa chỉ: Xóm 1, xã N Phú, huyện N, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CK 891712, số vào sổ cấp GCN: CS00148 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 25/12/2017 đứng tên ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị T và Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 112, tờ bản đồ số: 8bPL1; địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CK 891711, số vào sổ cấp GCN: CS00147 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 25/12/2017 đứng tên anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th. Các tài sản bảo đảm này không có tranh chấp và vẫn thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chủ sử dụng.

Đối với hợp đồng tín dụng số LD1828500332 ngày 11/10/2018, số tiền vay 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng) không có biện pháp bảo đảm nhưng căn cứ khoản 1 Điều 2 Hợp đồng thế chấp số công chứng 200 ngày 22/01/2018 kí giữa VPBank và ông Phạm Văn Ph, bà Nguyễn Thị T và khoản 1 Điều 2 Hợp đồng thế chấp số công chứng 708 ngày 21/03/2018 kí giữa VPBank và anh Phạm Văn Th, chị Nguyễn Ngọc Th thì các tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên vay và bên ngân hàng. Do đó, trong trường hợp anh Th, chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nói trên thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về nội dung là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 320, 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, cụ thể: buộc vợ chồng anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th phải hoàn trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/11/2019 là 774.556.338 đ (Bảy trăm bảy mươi bốn triệu lăm trăm lăm mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi tám đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th tiếp tục trả lãi suất theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK) cho đến khi trả xong nợ.

2. Trường hợp anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th không trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Tài sản đảm bảo thứ nhất: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 113, tờ bản đồ số: 8bPL1; địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CK 891712, số vào sổ cấp GCN: CS00148 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 25/12/2017 đứng tên ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị T. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 200, quyển số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/01/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ số công chứng 1144b, quyển số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày24/04/2018 tại Văn phòng Công chứng Ngọc Ban.

Tài sản đảm bảo thứ hai: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 112, tờ bản đồ số: 8bPL1; địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CK 891711, số vào sổ cấp GCN: CS00147 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 25/12/2017 đứng tên anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 708, quyển số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/03/2018 tại Văn phòng Công chứng Ngọc Ban.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Ngọc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 34.982.253 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0000694 ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, anh Phạm Văn Th, ông Phạm Văn Ph, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Ngọc Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.